

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 29 - 5 - 2020

V/v “Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thương.

2. Ông Phạm Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLDS-ST, ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thành Duy V, sinh năm 1981 - Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, thị xã K.

- Bị đơn: Ông Lê Hùng D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Kim D1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Vũ có mặt; ông D và bà D1 vắng mặt không có lý do.

NỘI D1 VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V (gọi tắt là Ngân hàng), các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội D1 vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng – Ông Vũ trình bày: Vào ngày 09 tháng 3 năm 2017, ông D và bà D1 có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng. Ngân hàng cho vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 11,7%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 09 tháng 3 năm 2022. Khi vay số tiền 50.000.000 đồng, ông D và bà D1 không có thể chấp tài sản gì cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông D và bà D1 đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 10.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D và bà D1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D và bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2020 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 45.108.764 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng; lãi trong hạn 189.594 đồng; lãi quá hạn 4.919.170 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 3 năm 2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai đối với ông D và bà D1 nhưng ông D và bà D1 không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông D và bà D1 cũng không gửi văn bản nêu ý kiến gì về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D và bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội D1 vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa thì đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là buộc ông D và bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2020 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 45.108.764 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng; lãi trong hạn 189.594 đồng; lãi quá hạn 4.919.170 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 3 năm 2017; đề nghị buộc ông D và bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông D có địa chỉ tại xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông D và bà D1 tại phiên tòa: Ông D và bà D1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông D và bà D1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà D1 là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông D và bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2020 với số nợ gốc, lãi tổng cộng 45.108.764 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng; lãi trong hạn 189.594 đồng; lãi quá hạn 4.919.170 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện bằng hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 3 năm 2017 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông D và bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc, lãi tổng cộng 45.108.764 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 3 năm 2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông D và bà D1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 45.108.764 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V, buộc ông Lê Hùng D và bà Đỗ Thị Kim D1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tạm tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2020 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 45.108.764 đồng (bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); lãi trong hạn 189.594 đồng (một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng); lãi quá hạn 4.919.170 đồng (bốn triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi đồng).

Ông Lê Hùng D và bà Đỗ Thị Kim D1 phải tiếp tục chịu khoản lãi suất kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với khoản nợ gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 3 năm 2017.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 1.128.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng). Buộc ông Lê Hùng D và bà Đỗ Thị Kim D1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.128.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Do Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện để thu hồi nợ đối với đối tượng chính chính được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải nộp tiền tạm ứng án phí khi Tòa án thụ lý vụ án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

